

Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHÍ THIẾT KẾ MẪU,
THIẾT KẾ ĐIỀN HÌNH HOẶC ÁP DỤNG THIẾT KẾ SẴN CÓ TẠI ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK ĐỂ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Kèm theo Công văn /SXD-QLXD ngày /7/2026 của Sở Xây dựng)

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về: 1. Lập, phê duyệt, giao, điều chỉnh kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 05 năm và hằng năm. 2. Quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia. 3. Cơ chế tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân. 4. Cơ chế tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia. 5. Phân cấp quản lý, nâng cao năng lực, truyền thông và công khai thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia. 6. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát và chế độ báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định này quy định tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điền hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 – 2030 được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.	- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 358/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính Phủ; - Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 56 Nghị định số 358/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính Phủ; - Theo văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục loại dự án đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên	- Theo văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

	địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 – 2030 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành.	
	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Quy định này, để thống nhất trong quá trình áp dụng, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. <i>Thiết kế điển hình</i> là hồ sơ thiết kế hoặc giải pháp thiết kế đối với các bộ phận chức năng, chi tiết cấu tạo kiến trúc được nghiên cứu trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật; được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công bố theo quy định của pháp luật để tham khảo, lựa chọn và áp dụng nhiều lần trong việc đầu tư xây dựng công trình. 2. <i>Thiết kế mẫu</i> là hồ sơ thiết kế hoàn chỉnh của một loại công trình hoặc hạng mục công trình được xây dựng trên cơ sở một hoặc nhiều thiết kế điển hình, áp dụng cho công trình có cùng công năng, quy mô và điều kiện xây dựng tương tự. 3. <i>Thiết kế sẵn có</i> là hồ sơ thiết kế đã được lập, thẩm định hoặc phê duyệt theo quy định của pháp luật và đã được áp dụng trên địa bàn tỉnh, có thể tiếp tục sử dụng cho công trình mới.	- Các từ ngữ “Thiết kế điển hình”, “Thiết kế mẫu”, “Thiết kế sẵn có” được sử dụng xuyên suốt trong Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và trong dự thảo Quy định này hiện không có văn bản Luật, Nghị định quy định cụ thể giải thích từ ngữ. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất trong quá trình áp dụng, triển khai các nội dung của dự thảo Quy định trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Sở Xây dựng đề xuất các từ ngữ trên được hiểu theo nội dung Điều 3 của dự thảo Quy định.
Điều 17. Tiêu chí xác định dự án đầu tư đặc thù 1. Dự án thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia, được thực hiện trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã và do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. 2. Dự án có tính chất kỹ thuật đơn giản hoặc dự án sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc dự án sử dụng thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn tỉnh, thành phố. a) Tiêu chí xác định dự án đầu tư xây dựng có tính chất kỹ thuật đơn giản thực hiện theo quy định của pháp luật xây dựng; dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan. b) Tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thiết kế sẵn có thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 3. Tổng mức đầu tư của dự án không vượt quá tổng mức đầu tư một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù theo quy định của từng địa phương.	Điều 4. Tiêu chí chung lựa chọn thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc Danh mục loại dự án đặc thù để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030 1. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí sau: a) Phù hợp mục tiêu đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia; b) Phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với dự án đầu tư xây dựng ở các khu vực không thuộc trường hợp phải lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch chi tiết ngành theo pháp luật về quy hoạch phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận phương án tuyến công trình, vị trí công trình, mặt bằng tổng thể của dự án); c) Phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, khí hậu, hiện trạng khu vực xây dựng và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương;	- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 358/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính Phủ; - Căn cứ Điều 5 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; - Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 26 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định danh mục loại dự án đặc thù; tiêu chí tổng mức đầu tư tối đa của một dự án theo từng loại dự án đặc thù nhưng không vượt quá tổng mức đầu tư của dự án được lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng.	d) Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được lựa chọn áp dụng, quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật chuyên ngành có liên quan; đ) Bảo đảm tính khả thi về kỹ thuật; an toàn công trình; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật; e) Thuận lợi cho công tác quản lý, khai thác, vận hành và bảo trì công trình; g) Khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có; tiết kiệm chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. 2. Việc áp dụng thiết kế sẵn có phải phù hợp với mục tiêu đầu tư, quy mô, cấp công trình và điều kiện áp dụng cho công trình xây dựng. 3. Ngoài các tiêu chí quy định tại Điều này, từng loại công trình phải đáp ứng các tiêu chí riêng quy định tại Chương II của Quy định này.	
	Điều 5. Đối với loại công trình giao thông 1. Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa công trình đường xã, đường thôn, đường ngõ, xóm thuộc Danh mục loại dự án đặc thù. 2. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau: a) Bảo đảm khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống giao thông hiện hữu; b) Phù hợp với cấp kỹ thuật tuyến đường, điều kiện khai thác và hiện trạng tuyến đường; c) Tận dụng hợp lý kết cấu hạ tầng giao thông hiện có. 3. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau: a) Đối với xã nhóm 1: Đường xã đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu	- Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030; - Căn cứ Điều 6 Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng;

	thiết kế; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa). b) Đối với xã nhóm 2: Đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế (TCVN 10380:2014); bảo đảm có đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật cần thiết như: hệ thống báo hiệu đường bộ (cọc tiêu, biển báo, sơn kẻ đường, ..), hệ thống thoát nước, hệ thống phòng hộ (tường chắn, hộ lan tại các vị trí đèo dốc, vực sâu, ...), hệ thống chiếu sáng, vỉa hè tại các đoạn qua khu đông dân cư, ...; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa). c) Đối với xã nhóm 3: Đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa).	
	Điều 6. Đối với loại công trình chợ 1. Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa công trình chợ nông thôn thuộc Danh mục loại dự án đặc thù. 2. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau: a) Phù hợp với quy mô dân số, nhu cầu giao thương và điều kiện phát triển của địa phương; b) Bảo đảm khả năng tiếp cận thuận tiện của người dân; c) Kết nối đồng bộ với hệ thống giao thông khu vực. 3. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau: a) Chợ nông thôn được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố với diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là 3m²; thiết kế đảm bảo phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9211:2012 Chợ - Tiêu chuẩn thiết kế; b) Kết cấu nhà chợ chính: Nhà chợ đảm bảo an toàn, sạch sẽ; nền chợ phải được cứng hóa; c) Yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình đảm bảo đáp ứng theo các nội dung tiêu chí được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số nội	- Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030; - Căn cứ khoản 1 Điều 6 Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ Công Thương;

	dung tiêu chí thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Điều 7. Đối với loại công trình văn hóa 1. Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa công trình Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, Nhà sinh hoạt cộng đồng (Nhà văn hóa cộng đồng) kết hợp phòng, tránh lũ thuộc Danh mục loại dự án đặc thù. 2. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau: a) Phù hợp với quy mô dân số và nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao, hoạt động cộng đồng của địa phương; b) Đối với Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng, tránh lũ, phải đáp ứng yêu cầu sử dụng đa mục tiêu, phục vụ cộng đồng và yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật. 3. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng đối với công trình Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau: a) Thiết kế có kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương và không gian văn hóa truyền thống; có quy mô xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị và hệ thống các phòng chức năng đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thiết chế văn hóa, thể thao. b) Diện tích đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Định mức ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao (Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT); nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng (QCVN 01:2021/BXD). c) Có hội trường đa năng và các phòng chức năng cơ bản như: hành chính; văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền lưu động; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản. Có ít nhất 01 công trình thể dục, thể thao như sân vận động, nhà tập luyện thể thao, bể bơi hoặc hồ bơi và các sân thể thao đơn giản khác; có hệ	- Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030; - Căn cứ Mục I Hướng dẫn số 1984/HD-BVHTTDL ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
--	---	---

	thống công trình phụ trợ thiết yếu như: công trình vệ sinh, cấp nước, khu đỗ xe, vườn hoa, cây xanh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. 4. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng đối với công trình Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, Nhà sinh hoạt cộng đồng (Nhà văn hóa cộng đồng) kết hợp phòng, tránh lũ phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau: a) Đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn. b) Diện tích đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Định mức ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT; nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD.	
	Điều 8. Đối với loại công trình giáo dục, đào tạo 1. Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa công trình Trường mầm non, Trường tiểu học, Trường trung học cơ sở thuộc Danh mục loại dự án đặc thù. 2. Thiết kế mẫu, thiết kế diễn hình hoặc thiết kế sân có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau: a) Phù hợp với quy mô dân số, nhu cầu học tập và định hướng phát triển giáo dục của địa phương; b) Bảo đảm khả năng tiếp cận thuận tiện; kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ; môi trường xung quanh đảm bảo an toàn cho trẻ em, học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. 3. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024).	- Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030; - Căn cứ Thông tư số 42/2026/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024).
	Điều 9. Đối với loại công trình y tế 1. Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa công trình Trạm y tế, Điểm y tế thuộc Danh mục loại dự án đặc thù.	- Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành

	2. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau: a) Phù hợp với quy mô dân số, nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu và định hướng phát triển mạng lưới y tế của địa phương; b) Bảo đảm khả năng tiếp cận thuận tiện, an toàn cho người dân, người bệnh và nhân viên y tế; c) Bảo đảm khả năng tổ chức sơ cứu, cấp cứu ban đầu, đáp ứng yêu cầu ứng phó thiên tai, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật. 3. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí về cơ sở hạ tầng được quy định tại Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế; các quy định tại Mục 13 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế và Thông tư số 23/2026/TT-BYT ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ Y tế hướng dẫn về thiết kế Trạm Y tế phường, xã, đặc khu.	Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030; - Căn cứ Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030; - Căn cứ tiêu mục 1, Mục I Quyết định 1102/QĐ-BYT ngày 21/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế; - Căn cứ Mục 13, Mục 13.6 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Bộ Y tế; - Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BYT ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ Y tế hướng dẫn về thiết kế Trạm Y tế phường, xã, đặc khu;
	Điều 10. Đối với loại công trình điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập internet) 1. Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa công trình điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập internet) thuộc Danh mục loại dự án đặc thù. 2. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau: a) Phù hợp với quy mô dân số và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông của địa phương; b) Bảo đảm khả năng tiếp cận thuận tiện của người dân trong việc sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số theo quy định của pháp luật. 3. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng của công trình phải bảo đảm phù hợp với Mục II Hướng dẫn số 3781/HD-BKHCHN ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí	- Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030; - Căn cứ Mục II Hướng dẫn số 3781/HD-BKHCHN ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học; - Căn cứ Mục 2.16.6.3 QCVN 01:2021/BXD;

	quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định có liên quan tại Mục 2.16.6.3 QCVN 01:2021/BXD. Điều 11. Đối với loại công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn 1. Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn thuộc Danh mục loại dự án đặc thù. 2. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau: a) Phù hợp với nguồn nước khai thác, quy mô dân số phục vụ và nhu cầu sử dụng nước sạch của địa phương; b) Bảo đảm tính bền vững trong khai thác, vận hành công trình theo Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành; c) Đáp ứng yêu cầu cấp nước phục vụ mục đích sinh hoạt với quy mô từ cấp thôn, buôn, xóm, làng hoặc tương đương trở lên. 3. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-1:2023/BXD về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình cấp nước ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Điều 12. Đối với loại công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn 1. Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa công trình hồ, đập, trạm bơm, kênh, mương nội đồng thuộc Danh mục loại dự án đặc thù. 2. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau: a) Phù hợp với điều kiện nguồn nước, nhu cầu tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và quy mô diện tích đất sản xuất của địa phương; b) Bảo đảm khả năng cấp nước, tiêu nước chủ động, an toàn và phát huy hiệu quả đầu tư phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp; c) Khai thác hiệu quả hệ thống công trình thủy lợi hiện có.	- Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030; - Căn cứ Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/ 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng; - Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030; - Căn cứ Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/ 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Căn cứ Thông tư số 29/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Môi trường;
--	--	---

	3. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNPTNT về Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai - Phần I: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế ban hành kèm theo Thông tư số 29/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.	
Điều 18. Lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản 1. Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản a) Thuyết minh dự án gồm: tên dự án, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất, chủ đầu tư, quy mô, thời gian thực hiện; tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư gồm vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, đóng góp của người dân và vốn huy động hợp pháp khác (nếu có); dự kiến năng lực tự thực hiện của người dân, cộng đồng hưởng lợi và kế hoạch lựa chọn nhà thầu có sự tham gia thực hiện của cộng đồng dân cư. b) Thiết kế bản vẽ thi công và bảng kê các chi phí đầu tư xây dựng theo một trong các trường hợp: bản vẽ thi công công trình có tính chất kỹ thuật đơn giản; bản vẽ thi công theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình áp dụng trên địa bàn tỉnh, thành phố; bản vẽ thi công theo các thiết kế sẵn có, đã áp dụng trên địa bàn tỉnh, thành phố. 2. Trình tự lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản a) Căn cứ hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng chuyên môn hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã thông báo đến các Ban phát triển thôn và cộng đồng dân cư tại thôn về dự án, công trình. Trường hợp dự án, công trình chưa có trong danh mục đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư khi lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, phòng chuyên môn tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư theo trình tự quy định tại Điều 8 Nghị định này. b) Phòng chuyên môn hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã xây dựng Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản trình Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện công trình, Ban phát triển thôn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản trình Ủy ban nhân dân cấp xã.	Điều 13. Sở Xây dựng 1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Quy định này đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc các loại công trình quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Quy định này; chủ trì rà soát, tổng hợp, đánh giá việc áp dụng các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan có liên quan theo chức năng quản lý nhà nước của từng lĩnh vực trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản này; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật khi không còn phù hợp với điều kiện thực tế hoặc có sự thay đổi của quy định pháp luật. 2. Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này thuộc phạm vi quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.	- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;
	Điều 14. Sở Nông nghiệp và Môi trường 1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Quy định này đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc các loại công trình quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Quy định này; chủ trì rà soát, tổng hợp, đánh giá việc áp dụng các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan có liên quan theo chức năng quản lý nhà nước của từng lĩnh vực trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản này; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật khi không còn phù hợp với điều kiện thực tế hoặc có sự thay đổi của quy định pháp luật.	- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;

Điều 19. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản và phê duyệt đầu tư dự án 1. Hồ sơ trình thẩm định gồm: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này; biên bản cuộc họp của cộng đồng dân cư; các văn bản pháp lý, tài liệu liên quan đến xây dựng công trình (nếu có). 2. Tổ chức thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản a) Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng chuyên môn có chức năng về quản lý xây dựng hoặc quản lý chuyên ngành liên quan đến dự án được áp dụng cơ chế đặc thù đề xuất thành lập Tổ thẩm định và giúp việc Tổ thẩm định để thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản. Thành phần Tổ thẩm định gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo phòng chuyên môn có chức năng về quản lý xây dựng hoặc quản lý chuyên ngành liên quan đến dự án đặc thù; đại diện Ban giám sát đầu tư của cộng đồng; đại diện phòng chuyên môn có chức năng về tài chính và các phòng chuyên môn có liên quan; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bình chọn. b) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản theo đề xuất của phòng chuyên môn quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. c) Thời gian tổ chức thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản và hoàn thành báo cáo kết quả thẩm định: không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 3. Nội dung thẩm định a) Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch có liên quan. b) Đánh giá sự phù hợp của bản vẽ thi công với điều kiện thực tế mặt bằng thi công công trình; mức độ an toàn và giải pháp bảo đảm an toàn đối với các công trình hạ tầng lân cận, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường; tính khả thi về kỹ thuật, khả năng tự thực hiện của cộng đồng dân cư, tổ chức được giao thi công. c) Tính hợp lý của các chi phí so với giá thị trường tại địa phương, với các dự án tương tự khác đã và đang thực hiện (nếu có). d) Khả năng huy động vốn theo cơ cấu từng nguồn vốn gồm: vốn ngân sách nhà nước so với kế hoạch trung hạn giai đoạn 05 năm được cấp có	2. Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này thuộc phạm vi quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Điều 15. Ủy ban nhân dân cấp xã 1. Tổ chức lựa chọn và áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có đối với các dự án thuộc Danh mục loại dự án đặc thù bảo đảm đáp ứng các tiêu chí quy định tại Quy định này; 2. Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng bảo đảm tuân thủ Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan. 3. Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện; kịp thời báo cáo Sở Xây dựng hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo phạm vi quản lý để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.	- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;
--	---	---

thẩm quyền giao, đóng góp của tổ chức, cá nhân và vốn huy động hợp pháp khác. đ) Tiến độ thi công dự kiến. 4. Phê duyệt đầu tư dự án a) Căn cứ ý kiến thẩm định, phòng chuyên môn hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã hoặc Ban phát triển thôn hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đầu tư dự án. b) Quyết định phê duyệt đầu tư dự án phải quy định rõ vai trò tham gia của người dân trong tổ chức thi công, giám sát thi công, quản lý vận hành và thực hiện bảo trì công trình. Điều 20. Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây dựng dự án đặc thù 1. Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với 01 gói thầu hoặc các gói thầu xây dựng để thực hiện dự án đặc thù được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là “tham gia thực hiện của cộng đồng”. Giá trị tối đa của 01 gói thầu tham gia thực hiện của cộng đồng thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu. 2. Nguyên tắc lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu có sự tham gia của cộng đồng trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia a) Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ là người dân cư trú trên địa bàn xã, phường, đặc khu có dự án, có kinh nghiệm, trình độ kỹ thuật về tổ chức thực hiện gói thầu xây dựng có quy mô nhỏ, có tính chất kỹ thuật đơn giản. b) Trường hợp không có hoặc không lựa chọn được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ trên địa bàn xã, phường, đặc khu đủ điều kiện thực hiện gói thầu, Ủy ban nhân dân cấp xã được mở rộng lựa chọn trên địa bàn tỉnh, thành phố. c) Trường hợp không có hoặc không lựa chọn được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện gói thầu trên địa bàn tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn hợp tác xã thực hiện gói thầu. 3. Tư cách hợp lệ của hợp tác xã, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện gói thầu a) Tư cách hợp lệ của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ thực hiện theo quy định của Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.		
--	--	--

b) Hợp tác xã tham gia thực hiện gói thầu phải có trụ sở chính đặt tại địa bàn xã, phường, đặc khu hoặc trên địa bàn tỉnh, thành phố có dự án, trong đó ưu tiên lựa chọn hợp tác xã có trụ sở chính đặt tại địa bàn xã, phường, đặc khu nơi có dự án; phải có hồ sơ chứng minh năng lực, kinh nghiệm thực hiện công trình đầu tư tương tự; có cam kết sử dụng nhân công trực tiếp thực hiện các hoạt động xây dựng công trình là người dân tại địa bàn xã, phường, đặc khu có dự án. 4. Quy trình lựa chọn nhà thầu a) Phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã dự thảo hợp đồng trong đó bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, giá hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên. b) Phòng chuyên môn hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã niêm yết công khai thông báo mời tham gia thực hiện gói thầu tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trên các phương tiện truyền thông cấp xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng tối thiểu 03 ngày làm việc. Thông báo cần ghi rõ thời gian họp bàn về phương án thực hiện gói thầu. c) Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ hoặc hợp tác xã quan tâm đến dự án nhận dự thảo hợp đồng để nghiên cứu và chuẩn bị đơn đăng ký thực hiện gói thầu, bao gồm các thông tin: họ và tên, độ tuổi, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với tính chất gói thầu của các thành viên tham gia thực hiện gói thầu; giá nhận thầu và tiến độ thực hiện. d) Phòng chuyên môn hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã xem xét, đánh giá lựa chọn nhà thầu tốt nhất và mời đại diện vào đàm phán, ký kết hợp đồng; trong đó, ưu tiên hợp tác xã, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ sử dụng nhân công là người dân tộc thiểu số, người thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. đ) Thời gian tối đa từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu đến khi ký kết hợp đồng là 30 ngày. e) Phòng chuyên môn hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã công khai kết quả lựa chọn cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể hoặc nhóm thợ hoặc hợp tác xã thực hiện gói thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc tại trụ sở làm việc và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã.		
---	--	--

5. Trường hợp cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công đối với dự án có tính chất kỹ thuật đơn giản và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư (thông qua Ban phát triển thôn) tự thực hiện dự án. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án.

Điều 21. Quản lý thi công xây dựng công trình, thanh toán và quyết toán dự án đầu tư đặc thù

1. Tổ chức thi công xây dựng công trình

a) Căn cứ Quyết định phê duyệt đầu tư dự án, kết quả lựa chọn đơn vị thi công và kế hoạch vốn được giao, phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã tiến hành ký kết hợp đồng xây dựng với đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ nhóm thợ hoặc hợp tác xã trúng thầu (gọi chung là nhà thầu thi công) để tổ chức thực hiện.

b) Trường hợp áp dụng cơ chế quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định này, tại Quyết định phê duyệt đầu tư dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban phát triển thôn (nhà thầu thi công) làm đầu mối triển khai thực hiện dự án, ký kết hợp đồng xây dựng với người dân trực tiếp tham gia thi công xây dựng công trình.

2. Trách nhiệm của nhà thầu thi công

a) Lập biện pháp, tiến độ thi công xây dựng công trình; biện pháp bảo đảm an toàn đối với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động cao (nếu có).

b) Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt trước và trong khi thi công xây dựng; thi công và kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình theo đúng yêu cầu của thiết kế theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư và hợp đồng xây dựng.

c) Trường hợp phát hiện sai khác, bất hợp lý giữa hồ sơ thiết kế, hợp đồng xây dựng (nếu có) so với điều kiện thực tế trong quá trình thi công, nhà thầu thi công thông báo cho phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã, Ban giám sát của cộng đồng xã để thực hiện việc điều chỉnh.

d) Lập nhật ký thi công xây dựng công trình, bao gồm các thông tin: số lượng nhân công, thiết bị thi công tại hiện trường; các công việc xây

dựng được thực hiện và nghiệm thu hằng ngày trên công trường; các sự cố, hư hỏng, tai nạn lao động, các vấn đề phát sinh khác và biện pháp khắc phục, xử lý (nếu có). đ) Lập, lưu trữ bản vẽ hoàn công, hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình và bàn giao cho phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã khi hoàn thành công trình. Bản vẽ hoàn công được lập theo quy định của pháp luật về xây dựng. 3. Trách nhiệm quản lý chất lượng, giám sát thi công xây dựng công trình a) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân. b) Phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã, Ban giám sát của cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình. 4. Nội dung giám sát thi công xây dựng của phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã, Ban giám sát của cộng đồng xã a) Kiểm tra và xác nhận về chủng loại, chất lượng, khối lượng vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình và các hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ, chứng minh về chất lượng (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế. b) Kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhà thầu thực hiện công việc xây dựng tại hiện trường theo yêu cầu của thiết kế xây dựng, biện pháp thi công, biện pháp bảo đảm an toàn và tiến độ thi công của công trình; thực hiện công tác nghiệm thu theo quy định. c) Kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công, khối lượng thi công xây dựng hoàn thành; tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định. 5. Phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu hoàn thành công trình; kết quả nghiệm thu được xác nhận bằng biên bản, riêng nghiệm thu công việc xây dựng		
---	--	--

có thể ghi trực tiếp vào nhật ký thi công xây dựng công trình. Nội dung biên bản chủ yếu như sau: a) Tên công việc xây dựng hoặc công trình được nghiệm thu, thời gian và địa điểm nghiệm thu. b) Thành phần ký biên bản nghiệm thu công việc xây dựng gồm: phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã, Ban giám sát của cộng đồng xã và đại diện nhà thầu thi công. Thành phần ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình gồm: các thành phần nêu trên, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và các thành phần có liên quan khác do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. c) Kết luận nghiệm thu, trong đó nêu rõ chấp thuận hoặc không chấp thuận nghiệm thu; yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện công việc đã thực hiện và các yêu cầu khác (nếu có). 6. Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản và có sự tham gia của người dân thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định này. Điều 22. Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án đầu tư đặc thù 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy trình bảo trì mẫu để quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân. Nội dung quy trình bảo trì mẫu bao gồm: đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình; nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình phù hợp với từng bộ phận công trình, loại công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình; thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình; chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp; thời gian sử dụng của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình; các chỉ dẫn khác liên quan đến bảo trì công trình xây dựng và quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về xây dựng. 2. Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nội dung sau:		
--	--	--

a) Giao phòng chuyên môn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã hoặc Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng. b) Giao phòng chuyên môn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã xây dựng kế hoạch bảo trì trên cơ sở quy trình bảo trì mẫu theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. c) Quyết định kế hoạch bảo trì và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng. 3. Chi phí bảo trì công trình xây dựng được xác định bằng phương pháp lập dự toán theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình. Nội dung chi phí bảo trì bao gồm: chi phí thực hiện các công việc bảo trì định kỳ hằng năm, chi phí sửa chữa công trình, chi phí tư vấn phục vụ bảo trì công trình, chi phí quản lý bảo trì thuộc trách nhiệm chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình và chi phí khác (nếu có).		
Điều 57. Xử lý chuyển tiếp 1. Quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu, chế độ báo cáo trực tuyến trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục áp dụng. 2. Các quy định về tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, có sự tham gia của người dân theo quy định tại Chương IV Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; nội dung, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, mô hình phát triển sản xuất theo quy định tại khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Điều 24 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền	Điều 16. Xử lý chuyển tiếp Các dự án đầu tư xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã được quyết định áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.	- Theo văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính được tiếp tục áp dụng đến hết thời gian thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (bao gồm thời gian được kéo dài theo quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội).		
	Điều 17. Trách nhiệm thi hành 1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được căn cứ, dẫn chiếu trong Quy định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo quy định của văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó. 2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh nội dung cần sửa đổi, bổ sung thì các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo phạm vi quản lý để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định./	- Theo văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.